

Số: ~~1278~~ 278/2008/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 13 tháng 5 năm 2008

WEBSITE CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG VĂN ĐẾN

Về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn

thuộc Chương trình Phát triển kinh tế- xã hội

Số: 278/

Ngày 14 tháng 05 năm 08

các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi đến 2010

Kính chuyển:.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển kinh tế- xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 210/2006/QĐ- TTg ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2007- 2010;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 676/2006/TTLT-UBND- KHĐT-TC-XD- NNPTNT ngày 8 tháng 8 năm 2006 của Liên bộ: Ủy ban Dân tộc - Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính - Xây dựng- Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ tại văn bản số 38/TT HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2008;

Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 902/STP-VBQPPL ngày 10 tháng 4 năm 2008;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thuộc Chương trình Phát triển kinh tế- xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2008 - 2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II), gồm các nội dung sau:

1. Đối tượng và địa bàn:

Các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), các xã an toàn khu được thụ hưởng Chương trình 135 (gọi tắt là xã 135); thôn ĐBKK thuộc các xã khu vực II (theo Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 và Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển).

2. Phạm vi thực hiện:

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được thực hiện làm cơ sở để phân bổ vốn cho Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và Dự án phát triển cơ sở hạ tầng (các nhiệm vụ khác của Chương trình 135 thực hiện theo quy định hiện hành).

3. Nguyên tắc phân bổ nguồn vốn:

- Phân bổ nguồn vốn của ngân sách phải dựa trên quy định của Nhà nước và pháp luật hiện hành; các tiêu chí định mức chung của Trung ương được áp dụng vào tình hình thực tế của tỉnh; bố trí vốn tập trung, đảm bảo hiệu quả đầu tư và phục vụ cho nhiều hộ dân được hưởng lợi.

- Chỉ bố trí nguồn vốn của Chương trình 135 hàng năm cho các xã, thôn đã có các dự án, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí nguồn vốn đảm bảo ưu tiên đầu tư tập trung cho các xã, thôn ĐBKK hơn. Không đầu tư dàn trải, không chia vốn bình quân. Đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư, đáp ứng việc phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo.

- Chỉ bố trí vốn đầu tư cho các công trình có công năng phục vụ cho nhiều hộ dân sinh sống tập trung và các dự án phát triển sản xuất, đào tạo cán bộ có tác động trực tiếp đến việc xoá đói giảm nghèo.

4. Tiêu chí xem xét phân bổ nguồn vốn:

Lấy địa bàn xã ĐBKK, thôn ĐBKK của xã khu vực II được thụ hưởng Chương trình 135 làm căn cứ để xây dựng tiêu chí phân bổ nguồn vốn.

a. Đối với xã đặc biệt khó khăn:

Tiêu chí phân bổ nguồn vốn thuộc dự án xây dựng cơ sở hạ tầng (có 06 tiêu chí), bao gồm:

- Tiêu chí diện tích: Tính diện tích tự nhiên toàn xã.

- Tiêu chí về dân số.

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.

- Tiêu chí về số lượng các thôn trong xã.

- Tiêu chí đặc thù:

- + Số thôn chưa có đường giao thông cho xe cơ giới (từ xe máy trở lên) từ trung tâm xã đến thôn;

- + Chưa có điện đến thôn.

- Tiêu chí được cộng thêm điểm: những xã mới vào Chương trình 135 giai đoạn II.

Tiêu chí phân bổ nguồn vốn cho Dự án phát triển sản xuất cho cấp xã (gồm 03 tiêu chí):

- Tiêu chí về dân số.

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.

- Tiêu chí về số lượng các thôn trong xã.

b. Đối với thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II (gồm 03 tiêu chí).

- Tiêu chí dân số.

- Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo.

- Tiêu chí đặc thù:

+ Chưa có đường giao thông cho xe cơ giới (từ xe máy trở lên) từ trung tâm xã đến thôn, bản;

+ Chưa có điện đến thôn bản.

5. Xác định thang điểm và số điểm mỗi tiêu chí.

a. Xác định thang điểm:

- Đối với xã ĐBKK: Lấy số bình quân của các xã được thụ hưởng Chương trình 135 làm tiêu chí để tính. Số điểm của bậc đầu tiên là 5 điểm.

+ Các tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, dân số và số thôn, điểm chênh lệch giữa các thang điểm là 0,5 điểm.

+ Tiêu chí đặc thù: Mỗi khu dân cư trên địa bàn xã ĐBKK có tiêu chí đặc thù được cộng thêm 01 điểm/ 1 tiêu chí.

+ Tiêu chí được cộng thêm điểm: Những xã mới vào Chương trình 135 giai đoạn II, được cộng thêm 02 điểm.

- Đối với thôn ĐBKK: Lấy số bình quân của các thôn thuộc xã khu vực II được thụ hưởng Chương trình 135 làm tiêu chí để tính. Số điểm của bậc đầu tiên là 5 điểm.

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo, điểm chênh lệch giữa các thang điểm là 01 điểm.

+ Tiêu chí về dân số, điểm chênh lệch giữa các thang điểm là 0,5 điểm.

+ Tiêu chí đặc thù: Mỗi thôn ĐBKK có 01 tiêu chí đặc thù được cộng thêm 01 điểm/ 01 tiêu chí.

b. Số điểm mỗi tiêu chí đối với xã đặc biệt khó khăn:

- Thang điểm về diện tích:

+ Những xã có diện tích $\leq$ diện tích bình quân của các xã ĐBKK: 5 điểm.

+ Những xã có diện tích $>$ diện tích bình quân các xã ĐBKK và ≤ 5.000 ha, được cộng thêm 0,5 điểm, tổng số điểm: 5,5 điểm.

+ Những xã có diện tích > 5.000 ha, được cộng thêm 01 điểm, tổng số điểm: 6 điểm.

- Thang điểm về dân số:

+ Những xã có dân số $\leq$ bình quân dân số của các xã ĐBKK: 5 điểm.

+ Những xã có dân số $>$ bình quân dân số các xã ĐBKK và ≤ 5.000 người, được cộng thêm 0,5 điểm, tổng số điểm 5,5 điểm.

+ Những xã có dân số > 5.000 người, được cộng thêm 01 điểm, tổng số điểm 6 điểm.

- Thang điểm về tỷ lệ hộ nghèo (Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tại Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ).

+ Những xã có tỷ lệ hộ nghèo $\leq$ bình quân tỷ lệ hộ nghèo của các xã ĐBKK: 5 điểm.

+ Những xã có tỷ lệ hộ nghèo $\geq$ tỷ lệ bình quân hộ nghèo và $\leq$ tỷ lệ bình quân hộ nghèo + 10%, được cộng thêm 0,5 điểm, tổng số điểm: 5,5 điểm;

+ Những xã có tỷ lệ hộ nghèo $>$ tỷ lệ bình quân hộ nghèo + 10%, được cộng thêm 01 điểm, tổng số điểm: 6 điểm.

- Thang điểm về số lượng các thôn bản của xã:
 - + Những xã có số thôn, bản $\leq$ số thôn, bản bình quân của các xã ĐBKK: 5 điểm.
 - + Những xã có số thôn, bản $>$ số thôn, bản bình quân và ≤ 15 thôn, được cộng thêm 0,5 điểm, tổng số điểm: 5,5 điểm.
 - + Những xã có số thôn, bản > 15 thôn, được cộng thêm 01 điểm, tổng số điểm: 6 điểm.
- Thang điểm về tiêu chí đặc thù:
 - + Số thôn chưa có đường giao thông đến trung tâm xã, mỗi thôn cộng thêm 01 điểm.
 - + Số thôn chưa có điện, mỗi thôn cộng thêm 01 điểm.
- c. Số điểm mỗi tiêu chí đối với thôn đặc biệt khó khăn.
 - Thang điểm về dân số:
 - + Những thôn có dân số $\leq$ bình quân dân số của các thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II: 5 điểm.
 - + Những thôn có dân số $>$ bình quân dân số của các thôn ĐBKK và ≤ 500 người, được cộng thêm 0,5 điểm, tổng số điểm: 5,5 điểm.
 - + Những thôn có dân số > 500 người, được cộng thêm 01 điểm, tổng số điểm: 6 điểm.
 - Thang điểm về tỷ lệ hộ nghèo:
 - + Những thôn có tỷ lệ hộ nghèo $\leq$ bình quân tỷ lệ hộ nghèo của các thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II: 5 điểm.
 - + Những thôn có tỷ lệ hộ nghèo $>$ bình quân tỷ lệ hộ nghèo của các thôn ĐBKK, được cộng thêm 01 điểm, tổng số điểm: 6 điểm.
 - Thang điểm về tiêu chí đặc thù:
 - + Số thôn chưa có đường giao thông đến trung tâm xã, mỗi thôn 01 điểm.
 - + Số thôn chưa có điện, mỗi thôn 01 điểm.

6. Cách tính điểm và định mức phân bổ vốn.

- a. Số vốn phân bổ bình quân cho một điểm được tính theo công thức sau:

$$K = M/N$$

Trong đó:

- K: Số vốn bình quân cho một điểm.
- M: Tổng số vốn dùng để phân bổ theo tiêu chí các xã ĐBKK của từng loại dự án (dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất).
- N: Tổng số điểm tính được của các xã ĐBKK hoặc các thôn ĐBKK thuộc xã khu vực II.

- b. Số vốn phân bổ cho các dự án của từng xã hoặc từng thôn được xác định: $X_i = K \times Y_i$

Trong đó:

- X_i : Số vốn phân bổ cho một xã i hoặc thôn i theo từng dự án, chính sách.
- K: Số vốn bình quân cho một điểm của từng loại dự án, chính sách.
- Y_i : Tổng số điểm của xã i hoặc thôn i của từng loại dự án, chính sách.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

1. Ban Dân tộc (cơ quan Thường trực Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh) có trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện việc rà soát, tổng hợp các tiêu chí để làm cơ sở tính điểm cho các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự kiến phân bổ vốn hàng năm theo tiêu chí, định mức quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thẩm định kết quả phân bổ vốn thuộc Chương trình 135, trình UBND tỉnh xem xét quyết định;

3. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giao thông Vận tải, Công thương, Cục Thống kê tỉnh và các cơ quan liên quan: có trách nhiệm cung cấp số liệu liên quan đến các tiêu chí quy định, giúp Ban Dân tộc triển khai thực hiện theo đúng qui định, đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình yêu cầu.

4. UBND các huyện có xã, thôn, bản được thụ hưởng Chương trình 135: Quyết định đầu tư theo đúng kế hoạch và định mức vốn đã được UBND tỉnh phê duyệt; quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án, chính sách đúng mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình; chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì vướng mắc, yêu cầu báo cáo về Ban Dân tộc. Ban Dân tộc có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu đề xuất phương án xử lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các cơ quan: Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các thành viên Ban Điều hành Chương trình 135 giai đoạn II của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện có xã, thôn, bản được thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn II và các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tư Pháp;
- Website Chính phủ;
- TTTU, HĐND và UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- Sở Tư pháp;
- CPVP, NCTH, CB(02b);
- Lưu: VT, XD2 (D-60b). *dw*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kim Hải